TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 10/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Nhật Quang
Bà Ngân Thị Diễn

- Thư ký phiên tòa: bà Bàn Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2025; đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Ngân Thị P, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1987, tại xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: [redacted]; nơi cư trú: bản N, xã N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngân Văn C và con bà Phạm Thị D; có chồng là Vũ Trọng Y và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: Lò Văn L, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1977, tại xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: [redacted]; nơi cư trú: bản N, xã N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn Thiên và con bà Vi Thị T; có vợ là Phạm Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 02/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 33 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù được tính từ ngày 25/6/2015 theo Bản án số 09/2015/HSST. Chấp hành án xong bản án ngày 25/12/2017.

- Ngày 15/12/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2021 theo Bản án số 24/2021/HS-ST. Chấp hành án xong bản án ngày 20/01/2023.

Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày, kể từ ngày 21/5/2020 đến ngày 24/5/2020 được trả tự do. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt.

3. Họ và tên: Phạm Thị T, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1984, tại xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: [redacted]; nơi cư trú: bản N, xã N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Bá U và con bà Vi Thị T; có chồng là Lò Văn L và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày, kể từ ngày 21/5/2020 đến ngày 24/5/2020 được trả tự do; Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt.

4. Họ và tên: Vi Văn D, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1993, tại xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: [redacted]; nơi cư trú: bản N, xã N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Thế Đ và con bà Phạm Thị U; có vợ là Vi Thị M hiện đã ly hôn và 01 con; tiền án, tiền sự: không; Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt.

5. Họ và tên: Hà Thị V, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1961, tại xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: [redacted]; nơi cư trú: bản N, xã N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Mường; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn N và con bà Hà Thị V; có chồng là Hà Văn T và 02 con (01 con đã mất); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày, kể từ ngày 21/5/2020 đến ngày 24/5/2020 được trả tự do; Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt.

**Người làm chứng*: anh Phạm Bá H, sinh năm 1983; địa chỉ: bản N, xã N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân Thị P, sinh năm 1987 và chồng là Vũ Trọng Y, sinh năm 1978, cùng thường trú tại bản N, xã N, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa làm nghề kinh doanh tự do (bán mặt hàng tạp hóa và chăn, ga, gối, đệm) thường xuyên qua bên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (Lào) để làm ăn. Khoảng tháng 5 năm 2020, P tình cờ gặp một người đàn ông người Lào, có tên là Phon (không rõ họ và năm sinh) thuê P vận chuyển 09 thùng cát tông bên trong đựng thuốc lá điếu loại ba số "555" từ nước Lào về Việt Nam với giá thuê vận chuyển là 200.000đ với mỗi thùng thì P đồng ý. Qua trao đổi, người đàn ông tên Phon hẹn đến buổi tối ngày 20/5/2020 sẽ mang 09 thùng hàng đến bờ suối Pùn (là đường ranh giới giữa Việt

Nam và Lào) phía bên bờ thuộc địa phận nước Lào, rồi bấm đèn pin ra hiệu cho P đến nhận hàng rồi mang về bản N, xã N, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa rồi chờ Phon liên lạc để lấy hàng sau.

Sau khi nhận chuyển số hàng trên cho Phon thì P không trực tiếp đi vận chuyển mà gọi điện thoại liên lạc với Phạm Thị T, sinh năm 1984 (là người quen, cùng cư trú ở bản N, xã N, huyện Quan Sơn với P) để thuê lại T vận chuyển 09 thùng cát tông cho mình. Khoảng 22 giờ ngày 20/5/2020 P gọi vào số điện thoại của Phạm Thị T nhưng lúc đó T không có ở nhà và không cầm điện thoại theo người. Chồng của T là Lò Văn L nghe điện thoại cho vợ thì P nói với Lượt: "*Em có ít hàng, anh chị đi bốc về giúp em, hàng em đang để bên Lào*". Lò Văn L hỏi lại: "*Hàng gì thế*" thì P nói: "*có mấy thùng hàng, mỗi thùng cũng nhẹ thôi, lát nữa em mang ra bờ suối Pùn bên Lào, anh ra lấy mang về nhà cho em, mỗi thùng em trả anh 150.000đ*". Một lúc sau Phạm Thị T trở về nhà thì Lò Văn L nói lại với vợ mình là: "*Con P nó thuê bốc mấy thùng hàng bên Lào về, mỗi thùng nó trả 150.000đ*, *có đi không*?". T trả lời "*Đi thì đi*". Sau đó, Phạm Thị T sang nhà Hà Thị V, sinh năm 1961 (cùng trú tại bản N, xã N) rủ đi ra suối Pùn bốc hàng bên Lào về Việt Nam cùng vợ chồng T thì Hà Thị V đồng ý. Cùng lúc đó thì Lò Văn L cũng đi sang nhà Vi Văn D, sinh năm 1993 (cùng trú tại bản N, xã N) rủ D cùng đi bốc hàng cùng. Gặp D, Lò Văn L nói: "*Có đi bốc hàng không, bốc hàng cho con Phương*". D hỏi lại là hàng gì thế, bốc ở đâu thì L nói "*Có mấy thùng hàng bên Lào về, ở gần suối Pùn, bốc về nhà con Phương, mỗi thùng nó trả 150.000đ"*. Vi Văn D đồng ý và nói với L "*Bao giờ đi thì gọi*". Sau đó L lấy điện thoại của mình gọi cho Phạm Bá H, sinh năm 1983 (cùng trú tại bản N, xã N) để rủ thêm H đi bốc hàng cùng thì H đồng ý. Một lát sau Hà Thị V, Vi Văn D và Phạm Bá H đi đến nhà Lò Văn L ngồi đợi để cùng đi bốc hàng. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 20 tháng 5 năm 2020 Ngân Thị P tự lấy điện thoại của chồng mình là Vũ Trọng Y (anh Y không biết P dùng điện thoại của mình) liên lạc lại với Phạm Thị T nói: "*Hàng về đến suối Pùn rồi, đi lấy đi*". Lò Văn L lấy xe máy của mình chở Phạm Thị T đi còn Hà Thị V và Vi Văn D cũng đi theo, một lúc sau Phạm Bá H cũng đi theo. Nhóm bốn người gồm Phạm Thị T, Lò Văn L, Hà Thị V và Vi Văn D đến suối Pùn trước và thấy có 04 người đội đèn pin trên đầu (trời tối, không nhìn thấy rõ mặt) mang 09 thùng cát tông đến để ở bờ suối Pùn bên kia biên giới (thuộc địa phận nước Lào). Lò Văn L lội qua suối Pùn sang thì thấy bốn người đó là người nước Lào và nói chuyện với L bằng tiếng dân tộc Thái. Lò Văn L hỏi đại ý là "*Hàng gì thế*" thì có người trong số đó trả lời "*Không biết, hàng này vứt thoải mái, nhưng đừng để nước vào*". Lò Văn L nhận hàng xong thì bốn người Lào bỏ đi. Sau đó L mang những thùng cát tông này lội qua suối mang về bờ bên phía Việt Nam. Nhóm T, V, D chờ L mang hàng về thì nhận lấy và vác trên vai mang ra xe máy để trên đường mòn liên bản để đưa về bản Na Mèo. Đang vận chuyển ra xe thì cả nhóm bị Tổ công tác của Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Na Mèo bắt quả tang. Khi phát hiện thấy Tổ công tác thì D bỏ chạy và thoát được còn L, T và Vạn bị bắt cùng 09 thùng cát tông. Phạm Bá H đến sau thấy nhóm L, T, V, D bị Tổ công tác bắt nên đã bỏ về. Tổ công tác đưa người và tang vật thu được về trụ sở của Đồn biên phòng

Cửa khẩu quốc tế Na Mèo, qua kiểm tra hàng hóa bên trong 09 thùng cát tông thì phát hiện có 433 cây thuốc lá, mỗi cây có 10 bao là thuốc lá điếu có ký hiệu ba số "555", hàng thu được không có dán tem và không có hóa đơn chứng từ, nghi nhập lậu từ nước Lào về Việt Nam và nghi thuộc loại hàng cấm nên Đồn biên phòng Cửa khẩu quốc tế Na Mèo đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với ba người là Phạm Thị T, Lò Văn L, Hà Thị V và tiến hành niêm phong, thu giữ số thuốc lá thu được. Sau đó lập hồ sơ rồi chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Sơn thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn đã trích mẫu giám định: lấy xác suất 50 cây thuốc lá trong tổng số 433 cây thuốc sau khi mở niêm phong và tiến hành trưng cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định 3107/C09-P4 ngày 23/5/2020 của Viện khoa học hình sự kết luận:

"- Toàn bộ 50 (năm mươi) cây thuốc lá (tương đương 500 bao thuốc, mỗi bao chứa 20 điếu thuốc) đều mang nhãn hiệu "BLEND NO.555 GOLD", đều không có chữ Việt Nam, không dán tem nhập khẩu gửi giám định đều là thuốc lá điếu thành phẩm nhãn hiệu "BLEND NO.555 GOLD" được sản xuất tại nước ngoài

- Theo Thông tư 124/2007/TT-BTC ngày 26/10/2007 của Bộ Tài chính thuốc lá điếu nhập khẩu vào Việt Nam phải có "tem thuốc lá điếu nhập khẩu" do Bộ Tài chính nước Cộng hòa XHCN Việt Nam phát hành và dán trên từng bao. Hiện tại Viện Khoa học hình sự không đủ điều kiện để giám định mẫu thuốc lá mang nhãn hiệu trên là của nước nào sản xuất".

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn khởi tố vụ án. Tuy nhiên, tại thời điểm khởi tố vụ án, P đang sinh sống tại nước Lào, không trở về Việt Nam. Do đó, Cơ quan CSĐT không tiến hành lấy lời khai để làm rõ vụ việc được. Nên đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án khi hết thời hạn điều tra.

Đến ngày 15/11/2024 thì Ngân Thị P trở về Việt Nam. Nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và không thể trốn tránh nên đã ra đầu thú tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn. Tại cơ quan điều tra, P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trên cơ sở đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn đã khởi tố bị can Ngân Thị P về tội "Vận chuyển hàng cấm".

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSQS ngày 16/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Ngân Thị P về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 BLHS.

Sau khi nhận được Cáo trạng kèm theo hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn xét thấy Viện khoa học hình sự chỉ kết luận 50 cây thuốc lá là thuốc lá điếu thành phẩm (tương đương 500 bao) nhưng Viện kiểm sát truy tố bị cáo Ngân Thị P vận chuyển trái phép 4330 bao theo điểm e khoản 2 Điều 191 BLHS là chưa đủ căn cứ nên đã Quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều trả bổ sung đề nghị VKSND huyện Quan Sơn trưng cầu giám định toàn bộ số vật chứng còn lại.

Ngày 01/4/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn ra quyết định trưng cầu giám định đối với số hàng hóa còn lại đựng trong 08 thùng cát tông tại Viện Khoa học hình sự Bộ Công an.

Tại Kết luận giám định số 90/KL-KTHS ngày 02/4/2025 của Viện khoa học hình sự kết luận:

"- Toàn bộ 3.830 (ba nghìn tám trăm ba mươi) bao thuốc lá (mỗi bao thuốc chứa 20 điều thuốc lá) đều mang nhãn hiệu "BLEND NO. 555 GOLD" đều không dán "tem điện tử thuốc lá", không có chữ tiếng Việt gửi giám định đều là thuốc lá điếu thành phẩm mang nhãn hiệu "BLEND NO. 555 GOLD".

- ... tất cả các mẫu thuốc lá gửi giám định trên đều là thuốc lá điếu không đủ điều kiện để nhập khẩu lưu thông trên thị trường Việt Nam.

- ... tất cả các mẫu thuốc lá gửi giám định trên đều là thuốc lá điếu không được Việt Nam sản xuất để tiêu thụ tại Việt Nam".

Ngày 02/4/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn yêu cầu định giá tài sản đối với tổng số 4330 bao thuốc lá là vật chứng của vụ án tại Hội đồng định giá tài sản huyện Quan Sơn. Đến ngày 04/4/2025 Hội đồng định giá tài sản huyện Quan Sơn ra kết luận:

"Tổng giá trị của tài sản cần định giá trên là: 4330 bao x 30.000 đồng/ bao = 129.900.000đ (Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng)"

Trên cơ sở kết quả định giá của Hội đồng định giá cũng như trong quá trình điều tra lại Cơ quan CSĐT huyện Quan Sơn đã khởi tố bổ sung vụ án, khởi tố bị can đối với các đối tượng Lò Văn L, Phạm Thị T, Hà Thị V và Vi Văn D về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới". Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

**** Vật chứng của vụ án thu giữ đang được quản lý tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Thanh Hóa chờ xử lý theo quy định, gồm:***

- 3730 bao thuốc lá đều mang nhãn hiệu "BLEND NO.555 GOLD" đựng trong 08 thùng cát tông đều được dán kín, niêm phong bởi giấy niêm phong có dấu đỏ của Viện khoa học hình sự và các chữ ký ghi rõ họ tên của các bên có liên quan.

**** Về các vấn đề khác:***

- Tại thời điểm bắt quả tang ba người Phạm Thị T, Lò Văn L và Hà Thị V thì Đồn biên phòng Cửa khẩu quốc tế Na Mèo đã tiến hành niêm phong, thu giữ toàn bộ số tang vật và các tài sản gồm (ngoài vật chứng là 09 thùng cát tông):

+ 01 xe máy của Vi Văn D, có đặc điểm: nhãn hiệu Honda, đã qua sử dụng, đã cũ nát, không có biển kiểm soát, không còn yếm, có số khung: RLHHC090X6Y049360, số máy HC09E-6049400;

+ 01 xe máy của Lò Văn L, có đặc điểm: lốc máy in chữ OSAM, xe đã qua sử dụng, đã cũ nát, không có biển kiểm soát, không còn yếm, không có đèn, có số khung: VCRBCH013CR 000111, số máy VCRZS152FMH 3300011;

+ 01 điện thoại di động OPPO màu đen của Phạm Thị T có đặc điểm: đã qua sử dụng, có số IMEI1: 863539044267311, kèm theo sim số thuê bao: 0354022035 và sim số thuê bao: 08658400136;

+ 01 điện thoại di động ITEL màu tím than của Lò Văn L có đặc điểm: đã qua sử dụng, có số IMEI1: 353511101238284, kèm theo sim số thuê bao: 0984159674;

+ 01 điện thoại di động FORME màu đen trắng của Hà Thị V có đặc điểm: đã qua sử dụng, có số IMEI1: 358702075960665, kèm theo sim số thuê bao: 0348286084

Quá trình xác minh, điều tra vụ việc ban đầu: Đồn Biên phòng và Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn chưa xác định được hành vi của L, V, T và D là phạm tội, do đó đã trả lại 02 chiếc xe máy và 03 điện thoại di động cho D, L, T, V. Sau đó, quá trình tạm đình chỉ vụ án từ 2020 đến 2024, do xe máy của L và D quá cũ nát, không sử dụng được nữa, nên L và D đã bán 02 xe máy của mình cho người thu mua sắt vụn. Các điện thoại di động của L, T, V đã hỏng nên các bị can đã vứt bỏ. Do đó, đến thời điểm khởi tố các bị can L, V, T và D thì Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa không còn thu được các tài sản này.

- Đối với những chiếc điện thoại bị cáo P dùng để liên lạc với đối tượng Phon và các bị cáo khác, bị cáo P đã bỏ đi không dùng đến nữa nên hiện tại Cơ quan CSĐT không còn thu giữ được.

- Đối với người đàn ông nước Lào tên Phon, Ngân Thị P cũng không biết địa chỉ của người này, sau khi hàng hóa mà người tên Phon thuê P bị thu giữ thì cũng không liên lạc gì với Phương. Ngoài lời khai của Ngân Thị P thì không có thêm cơ sở, chứng cứ gì khác để điều tra, xác minh về người này. Do đó, Cơ quan CSĐT không có cơ sở xử lý.

- Đối với Phạm Bá H mặc dù trước đó đã nhận lời từ bị cáo Lò Văn L để cùng đi bốc hàng nhưng là người đến sau cùng, chưa thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan CSĐT không khởi tố đối với H.

Tại bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSQS ngày 13/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Ngân Thị P về tội "Vận chuyển hàng cấm" quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Lò Văn L, Phạm Thị T, Vi Văn D, Hà Thị V về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố các bị cáo phạm tội với tội danh như trên.

* Về trách nhiệm hình sự đề nghị:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS xử phạt bị cáo Ngân Thị P mức án từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 của BLHS xử phạt bị cáo Lò Văn L mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17 của BLHS xử phạt bị cáo Phạm Thị T và Vi Văn D mức án từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17 của BLHS xử phạt bị cáo Hà Thị V mức án từ 05 tháng tù đến 07 tháng tù. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy số thuốc lá còn lại sau giám định.

* Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 191 BLHS tuyên phạt Ngân Thị P từ 20.000.000đ đến 40.000.000đ. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo L, T, D, V do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

* Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí HSST.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng, các bị cáo nhận tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiền hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn thống nhất với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên toà. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 20/5/2020, Ngân Thị P nhận vận chuyển thuê cho đối tượng người Lào tên Phon thuốc lá điếu nhập lậu từ nước Lào về Việt Nam tại địa điểm suối Pùn (ranh giới giữa hai nước Việt Nam và Lào), gồm 09 thùng cát tông, bên trong đựng 433 cây thuốc lá điếu, mỗi cây chứa 10 bao (tổng số lượng là 4.330 bao) đều mang nhãn hiệu "BLEND NO.555 GOLD" với giá vận chuyển thuê là 1.800.000 đồng. Sau đó, Ngân Thị P không trực tiếp đi vận chuyển mà gọi điện để thuê lại Phạm Thị T và Lò Văn L vận chuyển cho mình nhưng không nói rõ là loại hàng hóa gì. Sau khi trao đổi, thỏa thuận thì L và T nhận lời đến suối Pùn vận chuyển số hàng hóa cho

P từ bờ suối Pùn bên địa phận nước Lào về ở bản N, xã N, huyện Quan Sơn với giá 150.000đ mỗi thùng. L, T rủ thêm Hà Thị V, Vi Văn D và Phạm Bá H cùng đi vận chuyển hàng với mình. Nhóm L, T, V, D đang vận chuyển hàng thì bị bắt quả tang. Phạm Bá H đến sau, đang chuẩn bị thực hiện hành vi cùng L, T thì thấy L, T, Duyệt, V bị Đồn biên phòng bắt nên đã bỏ về.

Qua giám định, 09 thùng cát tông có tổng 4.330 bao thuốc lá đều mang nhãn hiệu "BLEND NO. 555 GOLD" đều không dán "tem điện tử thuốc lá", không có chữ tiếng Việt gửi giám định đều là thuốc lá điếu thành phẩm mang nhãn hiệu "BLEND NO. 555 GOLD, không đủ điều kiện để nhập khẩu lưu thông trên thị trường Việt Nam, không được Việt Nam sản xuất để tiêu thụ tại Việt Nam.

Như vậy, hành vi vận chuyển 4330 bao thuốc lá điếu nhập lậu của Ngân Thị P đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vận chuyển hàng cấm" quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi của các bị cáo Lò Văn L, Phạm Thị T, Vi Văn D và Hà Thị V: Các bị cáo không biết số hàng hóa mà bị cáo P thuê vận chuyển từ Lào về Việt Nam là thuốc lá điếu nhập lậu nên không bị truy tố về tội "Vận chuyển hàng cấm". Tuy nhiên, lượng hàng hóa các bị cáo vận chuyển trái phép từ Lào về Việt Nam có giá trị 129.900.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ Luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, HĐXX thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực nhập khẩu hàng hóa, chính sách thuế, xâm phạm đến chế độ quản lý ngoại thương của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội ở địa phương đặc biệt là an ninh tại vùng biên giới Việt Nam - Lào.

Xét vị trí, vai trò của các bị cáo Lò Văn L, Phạm Thị T, Hà Thị V và Vi Văn D: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, theo đó, bị cáo L sau khi được bị cáo P liên hệ để thuê vận chuyển hàng hóa từ biên giới nước Lào sang Việt Nam đã chủ động liên hệ thông báo lại với T và cùng với T rủ các bị cáo Hà Thị V và Vi Văn D cùng thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, bị cáo Lò Văn L giữ vai trò thứ nhất, các bị cáo Phạm Thị T, Vi Văn D và Hà Thị V giữ vai trò giúp sức. Riêng bị cáo Ngân Thị P chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình.

[4]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS: các bị cáo Ngân Thị P, Phạm Thị T, Hà Thị V và Vi Văn D đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, tất cả các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS "*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Các bị cáo Phạm Thị T, Hà Thị V và Vi Văn D lần đầu

phạm tội, mức cao nhất của khung hình phạt đến 02 năm tù nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Lò Văn L tuy cũng thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng nhưng có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xét xử vào năm 2015 nên không được xem xét là phạm tội lần đầu, do vậy không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo L; đối với hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" của bị cáo L bị Tòa án xét xử vào năm 2021 thì thời điểm thực hiện hành vi phạm tội sau thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" nên chỉ xem xét là nhân thân.

Đối với bị cáo Ngân Thị P sau khi trở về địa P đã chủ động đến cơ quan CSĐT đầu thú về hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "*đầu thú*"; bị cáo Hà Thị V hiện đang thờ cúng liệt sỹ và đang trực tiếp chăm sóc mẹ liệt sỹ là bà Lương Thị Giàn. Do đó, các bị cáo Ngân Thị P và Hà Thị V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Ngân Thị P, Phạm Thị T, Vi Văn D và Hà Thị V ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo mà không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đối với bị cáo Lò Văn L có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xét xử do vậy, HĐXX xét thấy cần lên cho bị cáo L mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, các bị cáo sinh sống ở vùng biên giới, hẻo lánh, điều kiện kinh tế khó khăn. Trong nhận thức của các bị cáo, việc vận chuyển hàng hóa là công việc làm thuê, với mục đích là để kiếm một ít tiền thù lao (số tiền thù lao nhỏ), ngoài ra không có mục đích khác nên cần cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Lò Văn L, Phạm Thị T, Hà Thị V và Vi Văn D không có công việc, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp. Đối với bị cáo Ngân Thị P có hoạt động kinh doanh buôn bán tự do, có nguồn thu nhập nên cần phạt bổ sung bị cáo mức phạt 40.000.000 đồng là phù hợp.

[7]. Về xử lý vật chứng: số thuốc lá điếu nhập lậu còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại các điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật TTHS.

[8]. Về các tình tiết khác liên quan đến vụ án: Đối với hành vi Phạm Bá H chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan CSĐT không khởi tố đối với H là phù hợp. Đối với người đàn ông nước Lào tên Phon, do bị cáo P không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ nên nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xử lý.

[9]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngân Thị P.

Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Văn L.

Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thị T và bị cáo Vi Văn D.

Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Thị V.

Tuyên bố: bị cáo Ngân Thị P phạm tội "Vận chuyển hàng cấm"; các bị cáo Lò Văn L, Phạm Thị T, Vi Văn D và Hà Thị V phạm tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới".

Xử phạt: Bị cáo Ngân Thị P 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn L 06 (sáu) tháng tù, được trừ đi 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị T 05 (năm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn D 05 (năm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Hà Thị V 04 (bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Ngân Thị P, Phạm Thị T, Vi Văn D và Hà Thị V cho Uỷ ban nhân dân xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 191 BLHS: phạt bổ sung bị cáo Ngân Thị P 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng).* Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Lò Văn L, Phạm Thị T, Vi Văn D và Hà Thị V.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 3730 bao thuốc lá đều mang nhãn hiệu "BLEND NO.555 GOLD" đựng trong 08 thùng cát tông đều được dán kín, niêm phong bởi

giấy niêm phong có dấu đỏ của Viện khoa học hình sự và các chữ ký ghi rõ họ tên của các bên có liên quan. Toàn bộ số vật chứng hiện đang được quản lý tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Thanh Hóa theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Chi cục THADS huyện Quan Sơn (nay là Phòng THADS khu vực 11 - Thanh Hóa) và Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa) ngày 02/4/2025.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo Ngân Thị P, Lò Văn L, Phạm Thị T, Vi Văn D và Hà Thị V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 11 - Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Tùng